TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/DS-ST
Ngày 13-01-2023
V/v tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

Bà Nguyễn Thị Luyến

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Ngọc Khánh- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòngtham gia phiên tòa:Bà Đỗ Thu Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 142/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 180/2022/QĐST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ngân hàng X

Trụ sở: Đường N, Phường A, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đào Thị L, chức vụ: Nhân viên quản lý nợ Ngân hàng X; địa chỉ: Đường P, phường T, quận H, thành phố Hà Nội, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 739/UQ-QLN.22 ngày 15 tháng 4 năm 2022); có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Duy Q

Cùng địa chỉ cuối cùng: Phố C, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

ACB cấp thẻ tín dụng cho Bà Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Duy Q (là quan hệ mẹ - con) theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của Bà Y và anh Q ký ngày 30/9/2016; bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB và các văn bản khác của anh Nguyễn Duy Q và Bà Nguyễn Thị Y ký với ACB về việc sử dụng thẻ tín dụng. Theo đó, Bà Y và anh Q được cấp loại thẻ Visa Platinum, số thẻ tín dụng chính 4365991000139908 cấp cho Bà Nguyễn Thị Y và số thẻ tín dụng phụ 4365991000139916 cấp cho anh Nguyễn Duy Q ngày 05/10/2016, hiệu lực thẻ từ tháng 10/2019, hạn mức thẻ là 100.000.000 đồng; lãi suất theo bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng (thẻ chính và thẻ phụ) của ACB, quy định mức lãi suất gồm lãi trong hạn 27%/năm, lãi quá hạn 40,5%/năm. Thẻ tín dụng chính và phụ đều có giá trị như nhau, mục đích để 02 chủ thẻ có thể sử dụng 02 thẻ tín dụng cùng lúc. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, Bà Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Duy Q đã không thanh toán đầy đủ cho ACB theo Thông báo giao dịch hàng tháng. Ngày 20/8/2021, ACB đã chuyển khoản nợ của Bà Y và ông Quang sang nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn. Đến ngày 16/3/2022, ACB đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn đối toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của Bà Y và anh Q.

Sau tháng 3/2022 ACB không liên lạc được với Bà Y và anh Q để thu hồi nợ, cũng không biết bị đơn hiện cư trú ở đâu, chỉ nghe được thông tin bị đơn đã xuất cảnh ra nước ngoài còn cụ thể ở nước nào thì ACB không biết.

Tính đến ngày xét xử 13/01/2023, tổng nợ gốc và lãi của Bà Y và anh Q đối với ACB là 65.220.486 đồng, trong đó: Nợ gốc 52.576.994 đồng, nợ lãi quá hạn 12.643.492 đồng. Vì vậy, ACB khởi kiện đề nghị Tòa án buộc các bị đơn phải trả ACB toàn bộ số tiền nợ nói trên. Bà Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Duy Q còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB, kể từ ngày 14/01/2023 đến khi trả hết nợ. Thứ tự trả nợ như sau: nợ gốc, nợ lãi quá hạn.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Bị đơn Bà Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Duy Q vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, vắng mặt tại phiên tòa và anh Q, Bà Y không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết vụ án gửi Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không có mặt tại Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa 02 lần không có

lý do dù đã được triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự; qua quá trình hỏi công khai tại phiên tòa, xét thấy ACB phát hành thẻ tín dụng cho Bà Y và anh Q với bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ là hợp pháp. Nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ giải ngân đủ số tiền nợ gốc thông qua việc bị đơn sử dụng thẻ tín dụng để để chi tiêu cá nhân theo hạn mức thể hiện tại bảng kê chi tiết giao dịch của khách hàng Nguyễn Duy Q và; bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán về nợ gốc và nợ lãi. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 90, 91, 94, 95 của Luật các tổ chức tín dụng; các điều 463; 465; 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 13/01/2023 là 65.220.486 đồng, trong đó: Nợ gốc 52.576.994 đồng, nợ lãi quá hạn 12.643.492 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Bà Y, anh Q còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh đối với số tiền còn phải thi hành cho đến khi thanh toán xong, theo mức lãi suất mà hai bên đã thoả thuận trong hợp đồng thẻ tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ACB thì lãi suất mà Bà Y, anh Q phải tiếp tục thanh toán cho ACB theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ACB và phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Y, anh Q phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Xét về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh là ACB và cá nhân anh Nguyễn Duy Q và Bà Nguyễn Thị Y, mục đích tiêu dùng cá nhân được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Q và Bà Y cư trú trên địa bàn quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng nhưng hiện đã xuất cảnh, không rõ địa chỉ nên thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 469; Điều 37; 38; 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn là anh Nguyễn Duy Q và Bà Nguyễn Thị Y đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T không đến Tòa dù đã được triệu tập hợp lệ và cũng không có quan điểm giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Q và Bà Y đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng tại phiên tòa, anh Q, Bà Y vắng mặt lần thứ hai, không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Xét về áp dụng pháp luật nội dung:

[3] ACB cấp thẻ tín dụng cho anh Nguyễn Duy Q và Bà Nguyễn Thị Ytheo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của anh Nguyễn Duy Q và Bà Nguyễn Thị Y ký ngày 30/9/2016; hợp đồng này đến nay có tranh chấp nên áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

- Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4] Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của anh Q và Bà Y ký ngày 30/9/2016 được ký kết giữa bên cho vay là ACB và bên vay là anh Nguyễn Duy Q, Bà Nguyễn Thị Y tuân thủ quy định tại các điều 116, 117 của Bộ luật Dân sự với các điều khoản của hợp đồng không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy hợp đồng trên là hợp pháp, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của hai bên. Theo đó, ACB đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình, giải ngân cho anh Q, Bà Y vay đủ số tiền nợ gốc thông qua việc bị đơn sử dụng thẻ tín dụng để chi tiêu cá nhân theo hạn mức của thẻ tín dụng thể hiện tại bảng kê chi tiết giao dịch của khách hàng Nguyễn Duy Q và Nguyễn Thị Y, phù hợp với bảng tóm tắt sao kê mà nguyên đơn cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Bị đơn anh Q và Bà Y đã sử dụng tiền vay từ thẻ tín dụng nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình theo điều khoản trong hợp đồng tín dụng đã ký kết,vi phạm nghĩa vụ thanh toán về nợ gốc và nợ lãi kể từ ngày 20/8/2021. Vì vậy, ACB khởi kiện buộc anh Q, Bà Y phải trả nợ gốc, nợ lãi để thu hồi nợ là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận theo quy định tại các Điều 463; 465; 466 Bộ luật Dân sự. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 13/01/2023, anh Q và Bà Y còn nợ và có nghĩa vụ phải trả cho ACB. Tổng nợ gốc và lãi đến ngày 13/01/2023 là 65.220.486 đồng, trong đó: Nợ gốc 52.576.994 đồng, nợ lãi quá hạn 12.643.492 đồng

- Về án phí:

[5] Căn cứ khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ

phí Tòa án: Yêu cầu khởi kiện của ACB được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ACB số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.030.000đồng.

[6] Bị đơn anh Nguyễn Duy Q và Bà Nguyễn Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 5% x 65.220.486 đồng = 3.261.024 đồng (làm tròn 3.261.000 đồng).

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 90, 91, 94, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào các điều 116, 117, 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X đối với anh Nguyễn Duy Q và Bà Nguyễn Thị Y.

1. Bị đơn anh Nguyễn Duy Q và Bà Nguyễn Thị Y phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng X tổng số tiền nợ của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của anh Q và Bà Y ký ngày 30/9/2016 ký giữa hai bên, tổng nợ gốc và lãi đến ngày 13/01/2023 là 65.220.486 đồng, trong đó: Nợ gốc 52.576.994 đồng, nợ lãi quá hạn 12.643.492 đồng; thứ tự thanh toán: Nợ gốc, nợ lãi quá hạn.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (anh Nguyễn Duy Q và Bà Nguyễn Thị Y) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận thoả thuận trong hợp đồng thẻ tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ACB thì lãi suất mà Bà Y, anh Q phải tiếp tục thanh toán cho ACB theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ACB nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

Bị đơn anh Nguyễn Duy Q và Bà Nguyễn Thị Y phải chịu 3.261.000 đồng (làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.030.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005316 ngày 14 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Nguyên đơn Ngân hàng X được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn anh Nguyễn Duy Q và Bà Nguyễn Thị Y được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS TP Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Thu